

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ
“Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác
khoáng sản năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2017/NQ-HDND ngày 12/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 07/5/2020 của UBND tỉnh về ban hành Bộ đơn giá sản phẩm hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 678/TTr-BVMT ngày 12/8/2024 của Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ “Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 4831/BC-STC ngày 21/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ “Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung như sau:

a) Tổng dự toán: 1.414.361.000 đồng

(Một tỷ, bốn trăm mười bốn triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn đồng chẵn).

(Có Phụ lục 01 kèm theo)

b) Nguồn kinh phí: Nguồn sự nghiệp môi trường trong dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024, đã giao cho Chi cục Bảo vệ môi trường tại Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh.

Điều 2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu thực hiện nhiệm vụ “Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” (Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ dự toán kinh phí được giao; giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác, tính pháp lý đối với các hồ sơ, chứng từ cung cấp, đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định; tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao đúng mục đích và thanh quyết toán theo đúng chế độ quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, có trách nhiệm chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến sở, ngành mình; hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ và thanh, quyết toán của Chi cục Bảo vệ môi trường, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

**Phụ lục 01: Dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ
“Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác
khoáng sản năm 2024 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

DVT: đồng

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	(làm tròn)				1.414.361.000	
	Tổng kinh phí thực hiện: (A + B + C)				1.414.360.523	
A	CHI PHÍ TRỰC TIẾP				1.266.220.523	
I	Chi phí phân tích mẫu môi trường (II = 1.1 + 1.2 + 1.3)				1.160.426.410	
1.1	<i>Chi phí hỗ trợ xăng xe và chi phí lưu trú cho kỹ thuật viên đi lấy mẫu môi trường (nước thải, không khí xung quanh) tại các cơ sở</i>				<i>110.760.000</i>	
	<i>Xăng xe cho lấy mẫu môi trường tại 65 cơ sở (01 cơ sở * 01 ngày * 03 người): 65 cơ sở * 03 người * 01 ngày/cơ sở * bình quân 80km/ngày * 0,2lít/km * 23.000đ/lít</i>	<i>Lít</i>	<i>3.120</i>	<i>23.000</i>	<i>71.760.000</i>	
	<i>Chi phí lưu trú cho kỹ thuật viên đi lấy mẫu: 03 kỹ thuật viên đi lấy mẫu tại 65 cơ sở (01 cơ sở/01 ngày): 200.000 đồng/người.ngày</i>	<i>Ngày</i>	<i>195</i>	<i>200.000</i>	<i>39.000.000</i>	

1.2	Không khí xung quanh: 65 cơ sở * 04 mẫu/01 cơ sở = 260 mẫu				804.294.920	
	Nhiệt độ không khí	mẫu	260	51.800	13.468.000	
	Độ ẩm	mẫu	260	51.800	13.468.000	
	Hàm lượng Bụi lơ lửng	mẫu	260	274.777	71.442.020	
	Hàm lượng SO ₂	mẫu	260	467.638	121.585.880	
	Hàm lượng NO ₂	mẫu	260	483.374	125.677.240	
	Hàm lượng NH ₃	mẫu	260	474.325	123.324.500	
	Hàm lượng CO	mẫu	260	786.490	204.487.400	
	Hàm lượng H ₂ S	mẫu	260	503.238	130.841.880	
1.3	Phân tích chất lượng nước thải hoặc nước mặt: 65 cơ sở * 01 mẫu/01 cơ sở = 65 mẫu				245.371.490	
	Nhiệt độ	mẫu	65	70.533	4.584.645	
	Độ pH	mẫu	65	76.833	4.994.145	
	Tổng chất rắn lơ lửng TSS	mẫu	65	204.961	13.322.465	
	Nhu cầu oxy hóa học COD	mẫu	65	278.330	18.091.450	
	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mẫu	65	263.545	17.130.425	
	Hàm lượng sunfua theo H ₂ S	mẫu	65	310.501	20.182.565	
	Hàm lượng Amoni (NH ₄ ⁺) theo N	mẫu	65	294.433	19.138.145	
	Tổng Nitơ	mẫu	65	454.341	29.532.165	
	Tổng dầu mỡ, khoáng	mẫu	65	664.196	43.172.740	
	Tổng Photpho	mẫu	65	359.671	23.378.615	
	Coliform	mẫu	65	797.602	51.844.130	

II	Tổng hợp kết quả lấy mẫu và phân tích môi trường (II = 2.1 + 2.2 + 2.3)				12.000.000	
2.1	Lập báo cáo kết quả phân tích mẫu môi trường	Báo cáo	1	5.000.000	5.000.000	
2.2	Lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra	Báo cáo	1	5.000.000	5.000.000	
2.3	Chi phí in ấn, đóng cuốn báo cáo tổng hợp kết quả phân tích mẫu môi trường để lưu trữ 10 cuốn báo cáo tổng hợp (400 trang x 500 đồng/trang = 200.000 đồng/cuốn)	cuốn	10	200.000	2.000.000	
III	Thuế giá trị gia tăng	VAT = 8%*(I + II)			93.794.113	
B	CHI PHÍ TƯ VẤN				11.880.000	
1,1	Chi phí tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT	Giá gói thầu x 0,4%			6.480.000	
1,2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	Giá gói thầu x 0,2%			5.400.000	
C	CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHO ĐOÀN KIỂM TRA				136.260.000	
I	Chi phí hỗ trợ xăng xe cho cán bộ thành viên Đoàn kiểm tra				71.760.000	
1,1	Đoàn kiểm tra gồm 3 người tại 65 cơ sở (01 cơ sở * 01 ngày * 03 người): 65 cơ sở* 03 người *01 ngày/cơ sở* bình quân 80km/ngày*0,2lít/km*23.000đ/lít	lít	3.120	23.000	71.760.000	

2	Chi phí phụ cấp cho cán bộ thành viên Đoàn				64.500.000	
2.2	Khoán tiền phụ cấp lưu trú cho thành viên đoàn kiểm tra: 3 người; 48 cơ sở gần thành phố (đi trong 1 ngày); 17 cơ sở xa thành phố đi trong 2 ngày: Tổng số ngày $3*48$ ngày $+3*2*17$ ngày	ngày	246	200.000	49.200.000	
2.3	Khoán tiền thuê phòng nghỉ cho thành viên đoàn kiểm tra (3 thành viên; Kiểm tra tại 17 cơ sở ở các huyện cách xa thành phố)	Ngày	51	300.000	15.300.000	

